



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 104

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
1	15116205	Đoàn Hoài Chung	DH15NTNT			7		8	7.7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
2	15116207	Hán Ngọc Hào	DH15NTNT			8		10	9.4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
3	15116208	Nguyễn Đức Huy	DH15NTNT			6		6	6.0	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15116209	Đặng Sĩ Huynh	DH15NTNT			8		8	8.0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15116210	Huỳnh Nhật Minh	DH15NTNT			9		6	6.9	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
6	15116211	Nguyễn Thanh Tâm	DH15NTNT			5		6	5.7	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
7	15116212	Phan Ngọc Tân	DH15NTNT			6		6	6.0	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15116213	Võ Minh Thắng	DH15NTNT			7		10	9.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15116214	Trần Thị Kim Thủy	DH15NTNT			10		10	10	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15116215	Đinh Văn Thanh Tha	DH15NTNT			6		8	7.4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
11	15116221	Thập Lượng Quý Anh	DH15NTNT			6		10	8.8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
12	15116223	Nguyễn Văn Hào	DH15NTNT			8		8	8.0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15116224	Nguyễn Thị Bích Ngọc	DH15NTNT			9		8	8.3	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15116227	Nguyễn Hữu Nhiệm	DH15NTNT			4		8	6.8	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
15	15116228	Thiên Sanh Phán	DH15NTNT			6		8	7.4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
16	15116229	Đồng Văn Pháp	DH15NTNT			7		10	9.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15116230	Lê Văn Phi	DH15NTNT			5		6	5.7	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
18	15116232	Từ Nữ Thu Thủy	DH15NTNT			3		10	7.9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 104

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15116233	Trần Thị Tuyết Trình	DH15NTNT	<i>huyet</i>		6		10	8.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Thị Thanh Thảo